

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST-TCDS ngày 23 tháng 10 năm 2024;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm B, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn V, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955. Địa chỉ: Xóm B, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

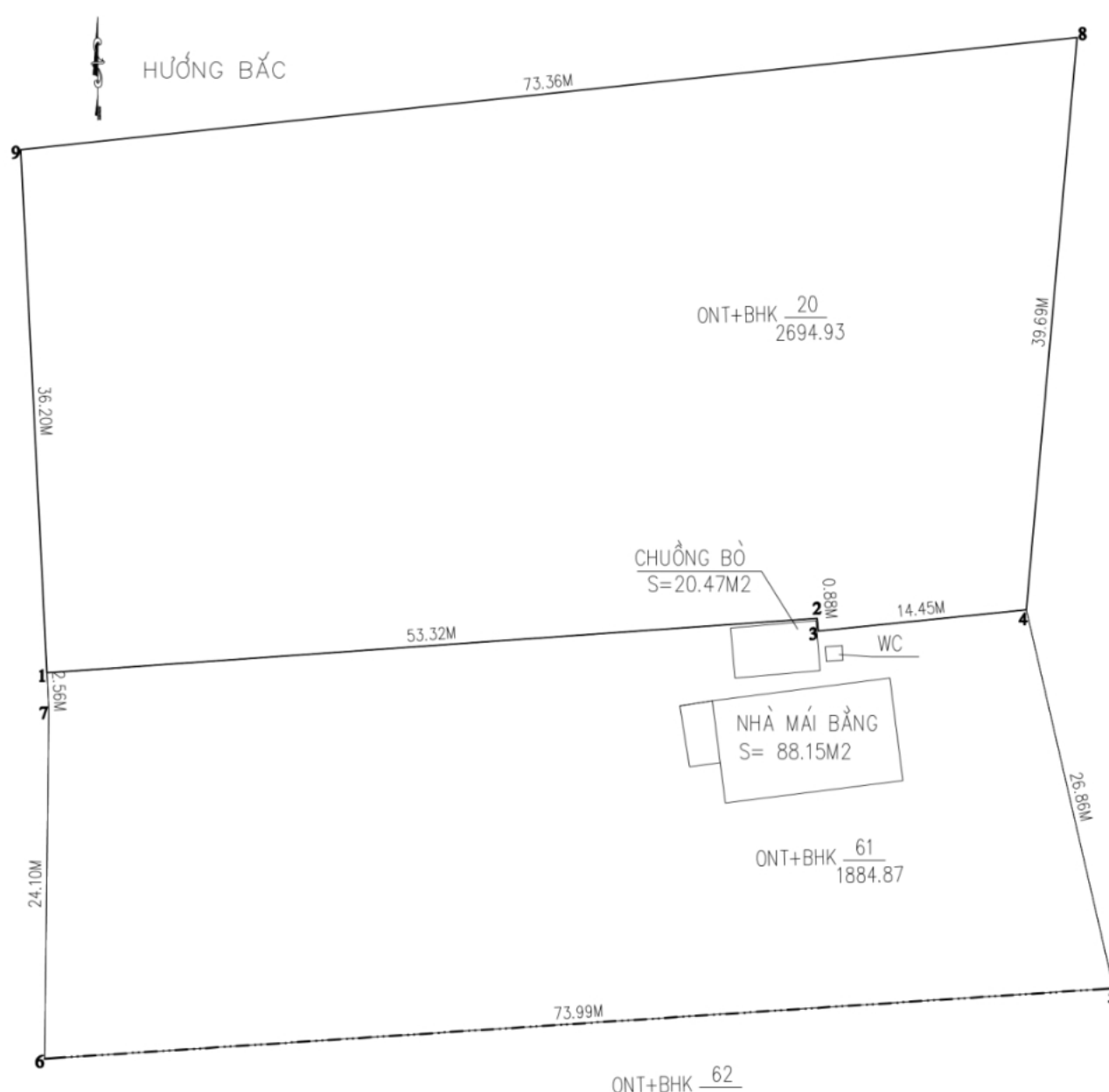
Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị T1 và ông Phan Văn V, bà Nguyễn Thị H thống nhất xác định ranh giới thửa đất số 20 và 61, tờ bản đồ số 19 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là các đoạn từ điểm 1 đến điểm 4 trên sơ đồ, cụ thể như sau: Từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 53,32 mét; từ điểm 2 đến điểm 3 có chiều dài 0,88 mét; từ điểm 3 đến điểm 4 có chiều dài 14,45 mét.

Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 19, người sử dụng đất: Ông Nguyễn Xuân T và bà Lê Thị T1, diện tích sau khi thỏa thuận là 2649,93 m², có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa số 14, từ điểm 8 đến điểm 9 trên sơ đồ có chiều dài 73,36 mét. Phía Đông giáp đất giao thông, từ điểm 4 đến điểm 8 trên sơ đồ có chiều dài 39,69 mét. Phía Tây giáp đất giao thông, từ điểm 1 đến điểm 9 trên sơ đồ có chiều dài 36,20 mét. Phía Nam giáp thửa đất số 61, từ điểm 1 đến điểm 4 trên sơ đồ có chiều dài lần lượt 53.32 mét, 0,88 mét, 14.45 mét.

Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, tên người sử dụng đất: Ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị H, diện tích sau khi thỏa thuận là 1884,87m², có tứ cận: Phía Bắc

giáp thửa số 14, từ điểm 1 đến điểm 4 trên sơ đồ có chiều dài lần lượt 53,32 mét, 0,88 mét, 14,45 mét. Phía Đông giáp đất giao thông, từ điểm 4 đến điểm 5 có chiều dài 26,86 mét. Phía Nam giáp thửa số 62, từ điểm 5 đến điểm 6 có chiều dài 73,99 mét. Phía Tây giáp đất giao thông, từ điểm 6 đến điểm 7 và từ điểm 7 đến 1 có chiều dài lần lượt 24,10 mét; 2,56 mét.

Sơ đồ mô tả:



TỨ CẬN THỬA ĐẤT SỐ 20:

- * PHÍA BẮC: GIÁP THỬA 14 VỚI CHIỀU DÀI: 73.36M
- * PHÍA ĐÔNG GIÁP DGT VỚI CHIỀU DÀI: 39.69M
- * PHÍA NAM GIÁP THỬA ĐẤT 61 VỚI CHIỀU DÀI: 14.45M+0.88M+53.32M
- * PHÍA TÂY GIÁP DGT VỚI CHIỀU DÀI: 36.20M

TỨ CẬN THỬA ĐẤT SỐ 61:

- * PHÍA BẮC: GIÁP THỬA 20 VỚI CHIỀU DÀI: 14.45M+0.88M+53.32M
- * PHÍA ĐÔNG GIÁP DGT VỚI CHIỀU DÀI: 26.86M
- * PHÍA NAM GIÁP THỬA ĐẤT 62 VỚI CHIỀU DÀI: 73.99M
- * PHÍA TÂY GIÁP DGT VỚI CHIỀU DÀI: 24.10M

Đối với một số cây trồng trên đất thuộc quyền sử dụng đất của người nào thì người người đó có quyền tự định đoạt.

Anh Nguyễn Xuân T, chị Lê Thị T1 và ông Phan Văn V, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị T1 chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá số tiền 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị T1 thỏa thuận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng anh T, chị T1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002151 ngày 22/10/2024. Trả lại cho anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị T1 số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn